TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Quyến

Ông Nguyễn Thế Tự

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 686/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2024/QĐST-HNGD ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 2000; Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Duy K, sinh năm 1999; Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị Nguyễn Thị Kim T và anh Phạm Duy K có quen biết tự tìm hiểu được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2018 và có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long năm 2020. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2023 cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do hai người không còn hợp nhau và không còn tiếng nói chung trong thời gian dài làm cho hôn nhân không

hạnh phúc và đã ly thân cho đến nay. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Kim T xin ly hôn với anh Phạm Duy K; Về con chung, trong thời kì hôn nhân chị thừa nhận có một con chung với anh K là cháu Phạm Nguyễn Duy M, sinh ngày 08/5/2020 (giới tính nam) khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung và chưa yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Duy K được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày trong vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T và anh Phạm Duy K kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được nên chị T xin ly hôn với anh K, để tạo điều kiện cho cả hai hàn gắn hôn nhân, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh K. Chị T xác định không còn tình cảm với anh K và không mong muốn hàn gắn hôn nhân, bản thân hai người đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Trong khi, anh K dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh K cũng không mong muốn gặp gỡ chị T để hàn gắn hôn nhân. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K không thể hàn gắn được và mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim T xin ly hôn với anh Phạm Duy K được chấp nhận.

[4] Về con chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu được nuôi con chung Phạm Nguyễn Duy M, sinh ngày 08/5/2020 (giới tính nam) và bị đơn anh Phạm Duy K không có văn bản nêu ý kiến về con chung. *Bên cạnh, trong thời gian xảy ra mâu thuẫn đến nay chị T là người trực tiếp nuôi con chung và không có chứng cứ thể hiện chị T vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung. Để giữ môi*

trường sống ổn định cho con chung cũng như đã phân tích nêu trên. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 81, 82, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội khoá 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với bị đơn anh Phạm Duy K.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Nguyễn Duy M, sinh ngày 08/5/2020 (giới tính nam) đến khi trưởng thành, anh Phạm Duy K chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chưa yêu cầu.

Dành quyền trông nom, chăm sóc con chung cho anh Phạm Duy K, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006277 ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hiếu